

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 169

ĐẠI THỪA  
CHỈ QUẢN PHÁP MÔN

SỐ 1924  
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 1924

## LỜI TỰA NAM NHẠC ĐẠI THỪA CHỈ QUÁN

*Tử Chu Do soạn.*

Rừng Hạc thị tịch, mà đến nay Hiền Thánh ra đời chẳng phải một, đều dùng sáu Độ muôn hạnh mà thông đạt đại trí, an trụ ở pháp giới cứu độ chúng sinh. Văn vàng quyển báu đã ghi chép ở các kho pháp, không tất cả pháp mà chứng tất cả tánh, chẳng ở ba cõi mà hiện thân, ý thấu suốt chân nguyên Chánh giác mà hiển bày thật tướng Tỳ-lô thì thấy được chỉ quán của Đại sư Nam Nhạc. Đại sư là Thánh chúng ở Phật hội Linh sơn, ba đời hóa duyên, ở Vệ tុ ngậm nưong ý chỉ Phật, thân nghe pháp âm, gồm tâm yếu của Mã Minh, Long Thọ, đủ liễu nghĩa của Bồ-đề Niết-bàn. Cho nên soạn luận chỉ quán hai bộ thượng, hạ, đưa chân vọng vào một niệm, nói thể tướng không dấu vết, nắm không buông tay, không một vật để thấy thì lý chỉ quán do đó mà hiển bày, cửa vắng lặng chiếu soi do đó mà vào, vì tông xuất thế vốn làm Đạo sư Phật chủng, chẳng trải qua tăng-kỳ mà vượt thẳng lên Thánh vị. Than ôi, giáo này hiển bày rộng lớn, chỉ bày cho người đến mà người đời chưa thấy khắp, hãy còn ở nước ngoài suốt năm trăm năm. Đến niên hiệu Hàm Bình, ở Nhật-Bản có vị tăng tên Tịch Chiếu ngồi thuyền vượt biển đem giáo này về. Tháng 4 mùa hạ niên hiệu Thiên Hỷ năm thứ tư, ở núi Linh ẩn, giáo chủ Thiên-trúc là Tuân Thức bày ra Phật chủng, đời đời đều thành duyên tốt cao thượng, bèn sai khắc bản và mời viết lời tựa. Lại nghĩ châu như ý đã trở về nhà trống, hợp phổ sinh tòa trắng mà thấy Pháp thân, cho nên khen ngợi không đến, xưng dương cũng vô cùng chỉ mong tất cả người có tín tâm thấy thì sẽ tu, tu thì sẽ chứng, đối

các cảnh mà chẳng động, đối với các pháp không nhiễm. Một khi nhận thì không lui sụt, một khi được thì được hẳn, hết đời vị lai cùng Đại sư Nam Nhạc đồng sinh và làm việc Như Lai.

- Lời tựa Nam Nhạc Thiền sư chỉ quán, sát na môn Tuân Thức của chùa Thiên Trúc soạn.

Dụng của chỉ quán vốn là: minh Tĩnh, đức của minh Tĩnh vốn là một tánh, thể của tánh vốn giác nên gọi là Minh, thể của giác vốn vắng lặng nên gọi là Tĩnh. Minh Tĩnh chẳng hai nên gọi là Thể. Thể chẳng thể phân chia thì Minh Tĩnh gọi mình, thể không gì chẳng đủ thì Minh Tĩnh ở đó. nói thể thì chẳng phải một mà thường một, nói đức chẳng phải hai mà thường hai, chỉ phân mà chẳng phân, chỉ một mà chẳng một. Thể đức không thay đổi thì gọi là tánh của muôn pháp, thể đức vô trụ nên gọi là (gốc) của muôn pháp. Muôn pháp gọi là gì, gọi là toàn thể là Minh Tĩnh. Vì sao? Vì từ vô tử bản giác là sáng, cưỡi chiếu mà chiếu sinh nên tự lầm, gọi là hôn, từ vô tử vốn vô trụ, tùy duyên duyên khởi mà tự loạn gọi là Động. Hôn động đã dứt thì muôn làm vạn pháp tự mất, chỉ còn thể minh tĩnh. Đó là viên đốn, đó là vô tác, là hạnh Như Lai, là chiếu tánh thành tu, tu thành mà dụng bỏ. Ai luận chỉ quán thể hiển mà tánh mất, cũng rỗng rang không có mười minh tĩnh, ai nhờ không chỗ gọi mà chỉ qui bày vật. Chỉ thành thì gọi là giải thoát, quán thành thì gọi là Bát-nhã, thể bày thì gọi là Pháp thân. Đó tức ba là một, tức một mà là ba, như chữ y có ba điểm, như trời có ba mắt, chẳng phải ngang-dọc, cũng chẳng phải một, khác. Ấy là ba đức không nghĩ làm, ấy là Đại Bát Niết-bàn. Than ôi! pháp này từ rừng Hạc ẩn che dấu vết thao quang trao cho Đại Ca-diếp, Ca-diếp trao lại cho A-nan. A-nan trở đi đèn đèn tiếp nối, cho đến Tổ thứ mười một là Mã Minh. Mã Minh trao cho Long Thọ. Long Thọ đem pháp này mượn lời soạn luận Trung Quán. Luận truyền sang Đông Hạ (Trung quốc) riêng ở sông Hoài, Thiền sư Tuệ Văn hiểu rõ mà trao lại cho Đại sư Nam Nhạc. Nam Nhạc theo đó mà chiếu tâm, tức lại ở tánh mà được sáu căn thanh tịnh, vị gần với Thánh. Dung của chỉ quán rất hiệu nghiệm. Rất tiếc không nghe có ai tiếp nối Đại sư ta, từ tâm đại Bi mà nêu ra mấy muôn lời này, gọi là Đại thừa Chỉ Quán, cũng gọi là Nhất Thừa, cũng gọi là Khúc Thị Tâm Yếu, gồm có hai quyển. Quyển một nói về giải của Chỉ quán, quyển hai nói về hạnh của Chỉ quán, giải hạnh đều đủ, cũng gọi là đủ khiến tôi an an chẳng dời, mà đến ao (mát mẻ). Ôi văn này ngày tháng xa xôi, nhân lạc mất ở hải ngoại, đạo sắp điều lành nữa. Quả nhiên vào niên hiệu Hàm Bình năm thứ ba từ Nhật-Bản, Đại sư Viên Thông Tịch Chiếu từ

Phù Tang ngồi thuyền trở về Đông Hạ, đã lên đánh Mậu mở hộp lấy ra quyển kinh, Sa-môn Tuân Thức chùa Thiên-trúc là người đầu tiên nhận được, Độ Chi Ngoại Lang Chu Công Do là người viết tựa ở đầu, liền xuất tiền lương khắc bản lưu hành rộng khắp. Lớn lao thay pháp này. Trước từ Tây Trúc truyền sang như trăng mới mọc, nay lại về Đông Hạ như mặt trời lên cao, vầng mặt trời tròn sáng đã trở về nước ta, do đây viết lời tựa đại lược hiển sáng chỗ tối.

-----